| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI HÀ NỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 552/2018/HC-PT
Ngày: 14-11-2018
*V/v: Khiếu kiện quản lý về đất đai*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Lê Thị Thúy Bình;

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Lương Đức Chính.

***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thành Trung, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*** Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 137/2018/TLPT-HC ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc "Khiếu kiện quản lý về đất đai" do có kháng cáo của người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2017/HC-ST ngày 21 và 24 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7169/2018/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Bà Đào Thị V(tên gọi khác Đào Thị Hồng V), sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn BP, xã NL, huyện CG, tỉnh Hải Dương, có mặt.

**2. Người bị kiện:**

UBND huyện CG tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc T- Chủ tịch UBND huyện CG.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện CG: Ông Nguyễn Văn C - Phó chủ tịch UBND huyện CG (Giấy ủy quyền số 16/GUQ-CT ngày 03/10/2018), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn LC, huyện CG, tỉnh Hải Dương

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Lương Thành Đ, sinh năm 1945 và bà Đào Thị M2, sinh năm 1948, có mặt.

Đều cư trú tại: thôn BP, xã NL, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

3.2. UBND xã NL, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- chủ tịch UBND xã NL, vắng mặt.

3.3. Bà Đào Thị S, sinh năm 1958; nơi cư trú: số 314 NVL, thành phố HY, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bà Đào Thị V trình bày: Mẹ bà là cụ Nguyễn Thị M có diện tích đất thổ cư tại thửa số 31 diện tích 380m$^2$, thửa số 32 diện tích 126m$^2$ tại thôn BP, xã NL, huyện CG, tỉnh Hải Dương, tiếp giáp đường quốc lộ.

Năm 1999 nhà nước đã thu hồi của gia đình bà (cụ M ) diện tích 109,48m$^2$ đất vườn và 37,4m$^2$ đất ở, tổng diện tích 146,88m$^2$ theo phương án đền bù ngày 15/12/1999; cụ Nguyễn Thị M được nhận đền bù đợt 1. Năm 2016, UBND huyện CG thực hiện bồi thường hỗ trợ đợt 2 lại lên phương án bồi thường hỗ trợ cho vợ chồng ông Lương Thành Đ và bà Nguyễn Thị M1 đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V vì cụ M chết ngày 27/12/2006 có di chúc cho bà là người được hưởng thừa kế. Nên bà Đào Thị V có đơn khởi kiện đề nghị tòa án hủy một phần phương án ngày 21/12/2016 về việc hỗ trợ bồi thường cho hộ gia đình ông Đ bà M1 và thực hiện việc bồi thường hỗ trợ cho cụ Nguyễn Thị M do bà Đào Thị V được hưởng thừa kế theo di chúc.

Căn cứ mà bà Đào Thị V đưa ra đó là Bản án dân sự phúc thẩm số 14 ngày 21/5/1999 của TAND tỉnh Hải Dương đã xử giao cho ông Đ bà M1 diện tích 16,2m x 8,2m = 132m$^2$. Ngày 29/8/2002 cơ quan thi hành án huyện CG đã giao đất cho ông Đ, bà M1 và lập thành biên bản. Năm 1999 khi nhà nước thu hồi đất ông Đ, bà M1 có đơn khiếu nại yêu cầu được bồi thường diện tích đất của cụ M , cơ quan thanh tra đã giải quyết khiếu nại và tại Quyết định số 01 ngày 20/3/2002 của Chủ tịch UBND huyện CG không chấp nhận khiếu nại của ông Đ và công nhận diện tích đất thu hồi của cụ M và cụ M được bồi thường hỗ trợ. Từ những căn cứ trên bà Đào Thị V đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện CG là ông Đỗ Văn Dương – Phó chủ tịch UBND huyện trình bày: diện tích đất được thu hồi phục vụ dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 38 đoạn qua xã NL có sử dụng đất của các hộ dân trong đó có diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Đào Thị V và ông Lương Thành Đ được thực hiện từ năm 1999 – 2002, tại thời điểm này phương án bồi thường được lập mang tên cụ M lúc đó còn sống diện tích 146,88m$^2$ (đất ở 37,4m$^2$; đất vườn 109,48m$^2$).

Sau đó do có khiếu nại của các hộ dân nên nhà nước đã quyết định bồi thường hỗ trợ thêm cho các hộ dân (diện tích thu hồi từ năm 1999). Khi có bồi thường hỗ trợ thêm thì giữa bà V và ông Đ có tranh chấp nên UBND huyện CG đã báo cáo xin hướng dẫn của UBND tỉnh Hải Dương. Tại Công văn số 3128 ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo "Đối với trường hợp hộ bà M cho phép hội đồng bồi thường GPMB huyện CG lập phương án hỗ trợ cho hộ đang sử dụng đất" nên UBND huyện CG lập phương án đền bù hỗ trợ cho hộ gia đình ông Lương Thành Đ. Nay bà V khởi kiện yêu cầu hủy phương án bồi thường hỗ trợ cho ông Lương Thành Đ, UBND huyện CG không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà V số tiền được bồi thường hỗ trợ 364.762.000đ được trừ số tiền công san lấp 5.111.000đ hỗ trợ năm 1999 còn 359.651.000đ hiện nay UBND huyện CG chưa chi cho ai đang giữ tại kho bạc huyện CG.

Ông Lương Thành Đ trình bày: Năm 1991 giữa cụ M là mẹ vợ ông và vợ chồng ông có mâu thuẫn đã kiện ra tòa án về phân chia tài sản và đất, theo bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương vợ chồng ông được giao 132m² đất ở trên đó có nhà và công trình đã được thi hành án. Khi nhà nước thu hồi đất để nâng cấp cải tạo đường 38 thì gia đình ông không bị thu hồi vào 132m² đất ở, phần diện tích bị thu hồi ở phía ngoài giáp đường (trước phần đất của gia đình ông). Nay Nhà nước thực hiện bồi thường giai đoạn 2 do phần đất giáp đường phía trước đất của gia đình nên gia đình ông được bồi thường như các hộ khác.

Đại diện theo pháp luật của UBND xã NL trình bày: Diện tích đất Nhà nước thu hồi hiện nay giữa bà V và ông Đ có tranh chấp có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị M đã được đăng ký trên bản đồ 299. Từ năm 1993 đến năm 1999 giữa cụ M và vợ chồng ông Đ bà M1 xảy ra tranh chấp và được các cấp tòa án xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật xác định giao cho vợ chồng ông Đ 132m$^2$, khi Nhà nước thu hồi đất làm đường 38 thì gia đình ông Đ không bị thu hồi, diện tích 132m$^2$ đất của ông Đ vẫn còn đủ. Năm 1999 – 2002 cụ M được bồi thường hỗ trợ, lúc đó ông Đ có đơn khiếu nại, cơ quan thanh tra đã giải quyết và kết luận xác định diện tích đất của cụ M , cụ M đã chết nên phần đất này ở phía trước đất của gia đình ông Đ (không phải đất của ông Đ) nên ông Đ được bồi thường hỗ trợ theo xét duyệt của hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng.

Bà Đào Thị S trình bày: Bà là con gái cụ Nguyễn Thị M, bà Đào Thị S là chị gái còn bà Đào Thị V là em gái; bà có biết việc cụ M lập di chúc giao cho bà V quản lý toàn bộ tài sản nhà đất của mẹ bà, thực chất mẹ bà giao cho bà V hưởng toàn bộ tài sản vì mẹ bà nói với bà như vậy và bà cũng đồng ý vì bà không có nhu cầu và lúc đó do bà S ăn ở đối xử với mẹ không tốt còn đuổi không chăm sóc mẹ nên không cho bà S (thực tế trước đây đã cho 132m² đất), khi cụ M chết vợ chồng ông Đ bà M1 không chịu tang. Bà xác định diện tích đất thu hồi làm đường 38 là

của mẹ bà từ năm 1999 đã bồi thường cho cụ, nay bồi thường giai đoạn 2 phải tiếp tục bồi thường cho cụ M , nhưng cụ M đã chết và bà V là người được giao thừa kế nên bà V được hưởng, bà không tranh chấp và đồng ý với bà V khởi kiện đòi quyền lợi, còn bà không khởi kiện.

Bà Đào Thị T là con nuôi cụ Nguyễn Thị M trình bày: bà về làm con nuôi cụ M từ khi còn rất nhỏ (mới được 01 tháng tuổi). Về yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị V với UBND huyện CG và việc giữa bà V và bà M1 có tranh chấp tiền bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi năm 1999 thì do bà đi lấy chồng từ lâu nên việc khởi kiện và tranh chấp này do chị em bà V tự giải quyết với nhau và với chính quyền. Bà T không yêu cầu, đòi hỏi quyền lợi gì đồng thời đề nghị không đưa bà tham gia tố tụng tại tòa án và không phải triệu tập bà đến tòa án để tham gia phiên tòa.

Anh Đào Đình T trình bày: Anh là con đẻ của cụ Đào Đình C và vợ thứ ba, tuy nhiên anh ở với cụ C và cụ M . Anh đã được cụ M tách cho một phần đất để ở nên hiện nay việc bà V có yêu cầu khởi kiện UBND huyện CG và giữa bà V với bà M1 có tranh chấp tiền bồi thường khi thu hồi đất của cụ M năm 1999 thì anh không yêu cầu giải quyết quyền lợi mà bà V và bà M1 tự giải quyết với nhau và với chính quyền. Anh Trung đề nghị tòa án không phải đưa anh tham gia tố tụng trong vụ án và không phải triệu tập anh đến phiên tòa.

Người làm chứng ông Trần Đình H trình bày ông là người ở cùng xóm với cụ Nguyễn Thị M, vợ chồng anh Đ chị M (nhà đối diện nhau). Ông xác định đất của cụ M ở tiếp giáp đường 38 không có lưu không giống như gia đình ông cũng có đất bị thu hồi làm đường 38, gia đình được hỗ trợ bồi thường vào năm 1999-2002, nay Nhà nước bồi thường giai đoạn 2 vẫn là diện tích thu hồi năm 1999 – 2002 gia đình ông đã nhận bồi thường. Do ở gần nên ông biết được diễn biến mâu thuẫn, tranh chấp đất đai của gia đình cụ M , do cụ M không có con trai nên đã cho vợ chồng ông Đ bà M1 (con gái, con rể) về ở cùng nhưng do mâu thuẫn vợ chồng ông Đ đuổi cụ M nên xảy ra tranh chấp kiện đến tòa án giải quyết để phân chia đất cho vợ chồng ông Đ, còn cụ M sau đó có lập di chúc, có ông và hai người khác cùng xóm được mời đến chứng kiến là ông Nguyễn Văn C đã chết, ông Bùi Xuân Đ đang cư trú sinh sống tại BH , ĐN , ông Bùi Ánh D trưởng thôn, sau đó được UBND xã xác nhận, ông công nhận là ông được biết, chứng kiến việc cụ M lập di chúc cho con gái là bà Đào Thị V mà cụ M điểm chỉ, những người có mặt ký làm chứng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2017/HC-ST ngày 21 và 24 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, 32, 193 Luật Tố tụng Hành chính; Điều 5, 62, khoản 2 Điều 69, khoản 1 Điều 75 Luật đất đai; Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về án, lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị V.

- Tuyên hủy phương án bồi thường hỗ trợ đất (bổ sung) giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 38 đoạn nối giữa quốc lộ 1 với quốc lộ 5 đoạn điểm xã NL, huyện CG, tỉnh Hải Dương cho hộ gia đình ông Lương Thành Đ.

- Yêu cầu Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện CG lập phương án bồi thường hỗ trợ cho cụ Nguyễn Thị M do bà Đào Thị V(được quản lý tài sản nhà đất của cụ M theo di chúc lập ngày 14/7/2002) nhận bồi thường hỗ trợ.

Ngày 04/12/2017, ông Lương Thành Đ và bà Đào Thị S kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm; ngày 08/12/2017, kháng cáo bổ sung nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 08/12/2017, UBND huyện CG kháng cáo đề nghị hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2017/HC-ST ngày 21 và 24 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tại Quyết định kháng nghị số 26/QĐ-VKS-HC ngày 11/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Thành Đ và bà Đào Thị S : Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện bà Đào Thị V: Đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Vlà đúng, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-HC ngày 11/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Lương Thành Đ và bà Đào Thị S và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1].Về tố tụng:

Bà Đào Thị V là con cụ Nguyễn Thị M; ngày 27/12/2006, cụ M đã chết theo Giấy chứng tử ngày 27/12/2006. Ngày 14/7/2002, cụ M lập di chúc giao cho bà V được quyền quản lý toàn bộ tài sản của cụ (di chúc ngày 14/7/2002, UBND xã xác nhận ngày 31/7/2002), nên bà V có quyền khởi kiện. Ngày 21/12/2016, UBND huyện CG có phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng diện tích đất thu hồi năm 1999 của cụ M cho ông Lương Thành Đ. Ngày 27/3/2017, bà Đào Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu hủy phương án bồi thường cho ông Đ và yêu cầu lập phương án bồi thường cho cụ Nguyễn Thị M do bà V là người được hưởng thừa kế; Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý vụ án để giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Năm 1999, hiện diện dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ đường 38 thuộc thôn BP, xã NL, huyện CG, tỉnh Hải Dương đã thu của cụ Nguyễn Thị M 146,88 S đất gồm đất ở 37,4 S và đất vườn 109,48S , diện tích đất này thực tế được thu hồi từ năm 1999 và trong phương án bồi thường năm 1999 đã xác định cụ M được hỗ trợ bồi thường đã nhận tiền. Khi thực hiện việc thu hồi đền bù hỗ trợ tại thời gian năm 1999 ông Đ có đơn khiếu nại, thanh tra huyện CG đã thanh tra kiểm tra giải quyết; ngày 20/3/2002, Chủ tịch UBND huyện CG có quyết định số 01 giải quyết khiếu nại xác định kết luận diện tích 146,88S được thu hồi là của cụ M nên không chấp nhận khiếu nại của ông Đ, ông Đ chấp nhận không khiếu nại. Chính ông Lương Thành Đ và bà Đào Thị S cũng trình bày xác nhận gia đình ông bà được giao 132 S đất theo Bản án dân sự phúc thẩm số 14 ngày 21/5/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, gia đình ông bà không có đất bị thu hồi; phần đất 146,88S đất thu hồi tiếp giáp đường 38 nằm ngoài diện tích 132 S đất của gia đình ông Đ bà M1. Như vậy gia đình ông Đ bà M1 không quản lý sử dụng diện tích đất bị thu hồi.

[2.2]. Mặt khác việc bồi thường giai đoạn 2 theo Công văn số 663 ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Hải Dương là phần bồi thường hỗ trợ cho diện tích đất của các hộ dân bị thu hồi từ năm 1999 không phải là đất thu hồi mới. Thực tế, năm 1999 đã thu hồi đất của cụ M và cụ M đã nhận tiền đền bù; nhưng tại đợt 2 bồi thường hỗ trợ hội đồng bồi thường GPMB huyện CG lại xác định ông Đ được bồi thường là không có căn cứ. Như phân tích ở trên gia đình ông Đ bà M1 không có đất bị thu hồi, năm 1999 bồi thường cho cụ M nay lại bồi thường cho ông Đ bà

M1 là không chính xác mà phải lập phương án bồi thường cho cụ M , việc cụ M chết thì người thừa kế được hưởng mới phù hợp pháp luật.

[2.3]. UBND huyện CG cho rằng thực hiện theo Công văn số 3128/UBND-VP ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Hải Dương; nhưng tại Công văn số 3128/UBND-VP đã không thực hiện theo quy định tại Công văn số 663/UBND-VP ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Hải Dương quy định "*Cho phép Hội đồng bồi thường GPMB huyện CG lập phương án bồi thường cho người đang sử dụng đất tại thời điểm thu hồi*" ở đây ông Đ bà M1 không quản lý sử dụng diện tích đất bị thu hồi năm 1999 và khi thu hồi đất năm 1999 xác định đất đó là của cụ M , nên hội đồng GPMB lập phương án bồi thường cho ông Đ là không đúng thực tế cũng như chính sách về bồi thường hỗ trợ đất bị thu hồi.

[2.4]. Về ý kiến của ông Đ và bà M1 cho rằng nếu xác định đất của cụ M thì bà V không có quyền khởi kiện là không đúng vì bà V là con cụ M được hưởng thừa kế theo pháp luật nên có quyền khởi kiện, trong khi đó bà V còn có di chúc của cụ M giao cho quản lý toàn bộ tài sản nhà đất của cụ M ; bà Đào Thị S là con cụ M đồng tình với bà V khởi kiện và không có tranh chấp. Sau này giữa các con cụ M có tranh chấp quyền thừa kế được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Trong vụ án hành chính này tòa án chỉ xem xét việc lập phương án bồi thường hỗ trợ diện tích đất của người có quyền hợp pháp bị thu hồi, không giải quyết về quyền thừa kế của các bên.

[2.5]. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị V hủy phương án bồi thường hỗ trợ ngày 21/12/2016 của hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện CG, yêu cầu hồi đồng GPMB lập phương án bồi thường hỗ trợ đất bị thu hồi cho cụ Nguyễn Thị M (do người thừa kế là bà Đào Thị Vnhận theo quy định của pháp luật) là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Thành Đ và bà Đào Thị S ; kháng cáo của UBND huyện CG.

[2.6]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-HC ngày 11/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương. Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận việc rút kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 229 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị nêu trên.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của UBND huyện CG không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Lương Thành Đ và bà Đào Thị S có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin miễn án phí hành chính phúc thẩm đối với ông Lương Thành Đ và bà Đào Thị S .

*Bởi các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; điểm c khoản 1 Điều 229 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-HC ngày 11/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương; bác kháng cáo của ông Lương Thành Đ và bà Đào Thị S và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2017/HC-ST ngày 21 và 24 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Án phí: ông Lương Thành Đ và bà Đào Thị S không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; UBND huyện CG phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng; đối trừ với khoản tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0003240 ngày 20/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Bình**

**CÁC THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Cường** **Lương Đức Chính**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Bình**